TRƯỜNG THCS TÙNG THIỆN VƯƠNG

MÔN: NGỮ VĂN- KHỐI 7

**Tuần 35: từ ngày 17/05/2021 đến 21/05/2021**

**Nộp bài trước: 17g ngày 21/5/2021**

**\* LƯU Ý:**

1. Học sinh học và làm bài trên K12 online để được giáo viên hướng dẫn cụ thể, kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình học, được trao đổi - thảo luận bài cùng bạn trong lớp và được ghi nhận quá trình học tập chi tiết.

2. Trừ những trường hợp học sinh đặc biệt khó khăn không thể thực hiện hoặc K12 online có lỗi không thể thực hiện học (sau khi đã báo giáo viên chủ nhiệm) thì học bài đăng tải trên cổng công nghệ thông tin của nhà trường: thực hiện học, làm bài, nộp bài theo hướng dẫn cuối bài.

**TIẾT: 1, 2, 3, 4**

**ÔN TẬP, HỆ THỐNG KIẾN THỨC HK2**

**( TỔNG KẾT PHẦN VĂN, PHẦN TIẾNG VIỆT )**

**I. KIẾN THỨC CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Nắm được hệ thống văn bản với những nội dung cơ bản và đặc trưng thể loại của các văn bản trong chương trình.

- Hiểu và cảm thụ được vẻ đẹp của một số hình tượng nhân vật văn học tiêu biểu, tư tưởng yêu nước và truyền thống nhân ái trong các văn bản dã học.

**2. Kỹ năng:** Rèn luyện kỹ năng củng cố và hệ thống kiến thức đã học, vận dụng làm các bài tập.

**3. Thái độ:**  HS biết vận dụng kiến thức đã học vào bài văn nghị luận.

**II. NỘI DUNG :**

**Phần Văn Bản**

**1. Các văn bản nghị luận hiện đại:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên bài-Tác giả** | **Đề tài nghị luận** | **Luận điểm** | **Phương pháp lập luận** | **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| **1** | ***Tinh thần yêu nước của nhân dân ta (Hồ Chí Minh)*** | Tinh thần yêu nước của dân tộc Việt Nam. | Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quí báu của ta. | Chứng minh | Luận điểm ngắn gọn, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng toàn diện, tiêu biểu, thuyết phục. Bài văn là một mẫu mực về lập luận, bố cục, cách dẫn chứng của thể văn nghị luận | Bài văn đã làm sáng tỏ chân lí: *“ Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là truyền thống quí báu của ta*”. Truyền thống này cần được phát huy trong hoàn cảnh lịch sử mới để bảo vệ đất nước. |
| **2** | ***Sự giàu đẹp của tiếng Việt (Đặng Thai Mai)*** | Sự giàu đẹp của tiếng Việt. | Tiếng Việt có những đặc sắc của một thứ tiếng hay, một thứ tiếng đẹp. | Chứng minh (kết hợp với giải thích) | Bố cục mạch lạc, kết hợp giải thích và chứng minh; luận cứ xác đáng, toàn diện, chặt chẽ. | Bài văn chứng minh sự giàu đẹp của tiếng Việt trên nhiều phương diện: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Tiếng Việt, với những phẩm chất bền vững và giàu khả năng sáng tạo trong quá trình phát triển lâu dài của nó, là một biểu hiện hùng hồn  sức sống của dân tộc |
| **3** | ***Đức tính giản dị của Bác Hồ (Phạm Văn Đồng)*** | Đức tính giản dị của Bác Hồ. | Bác giản dị trong mọi phương diện: **bữa cơm (ăn), cái nhà (ở), lối sống, cách nói, viết.** Sự giản dị ấy đi liền với sự phong phú rộng lớn về đời sống tinh thần ở Bác. | Chứng minh      (kết hợp với giải thích và bình luận) | Dẫn chứng cụ thể, xác thực, toàn diện, kết hợp chứng minh, giải thích, bình luận. Lời văn giản dị, giàu cảm xúc. | Giản dị là đức tính nổi bật ở Bác Hồ: giản dị trong đời sống, trong quan hệ với mọi người, trong lời nói và bài viết. Ở Bác, sự giản dị hòa hợp với đời sống tinh thần phong phú, với tư tưởng và tình cảm cao đẹp. |
| **4** | ***Ý nghĩa văn chương (Hoài Thanh)*** | Văn chương và ý nghĩa của nó đối với con người. | Nguồn gốc của văn chương là ở tình thương người, thương muôn loài, muôn vật. Văn chương hình dung và sáng tạo ra sự sống, nuôi dưỡng và làm giàu cho tình cảm con người. | Giải thích (kết hợp với bình luận) | -Luận điểm rõ ràng,luận chứng minh bạch, đầy sức thuyết phục  -Diễn đạt bằng lời văn giản dị, giàu hình ảnh, cảm xúc. | Nguồn gốc cốt yếu của văn chương là tình cảm, là lòng vị tha. Văn chương là hình ảnh của sự sống muôn hình vạn trạng và sáng tạo ra sự sống, gây những tình cảm không có, luyện những tình cảm sẵn có. Đời sống tinh thần của nhân loại nếu thiếu văn chương thì sẽ rất nghèo nàn. |

**2. Các  truyện hiện đại:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tên bài** | **Tác giả** | **Nội dung** | **Nghệ thuật** |
| **1** | **Sống chết mặc bay** | Phạm Duy Tốn | **- Giá trị hiện thực:** Phản ánh sự đối lập hoàn toàn giữa cuộc sống và sinh mạng của nhân dân với cuộc sống của bọn quan lại mà kẻ đứng đầu là tên quan phủ “lòng lang dạ thú”.  **- Giá trị nhân đạo :**  + Thể hiện niềm thương cảm của tác giả trước cuộc sống lầm than cơ cực của nhân dân do thiên tai   + Lên án thái độ vô trách nhiệm của bọn cầm quyền trước tình cảnh, cuộc sống “nghìn sầu muôn thảm” của nhân dân. | - Kết hợp thành công hai phép nghệ thuật tương phản và tăng cấp.  - Lựa chọn ngôi kể khách quan  - Ngôn ngữ kể, tả ngắn gọn khắc họa chân dung nhân vật sinh động |
| **2** | **Những trò lố hay là Va-ren và Phan Bội Châu** | Nguyễn Ái Quốc | Vạch trần bản chất xấu xa, đê hèn của Va-ren, khắc họa hình ảnh người chiến sĩ cách mạng Phan Bội Châu trong chốn ngục tù, đồng thời giúp ta hiểu rằng không gì có thể lung lạc được ý chí, tinh thần của người chiến sĩ cách mạng. | -Sử dụng  biện pháp tương phản nhằm khắc họa hai hình tượng nhân vật đối lập: người anh hùng Phan Bội Châu và kẻ phản bội hèn hạ Va-ren.  - Sáng tạo nên hình thức ngôn ngữ đối thoại đơn phương của Va-ren  - Có giọng điệu mỉa mai, châm biếm sâu cay. |

**3.  Văn bản nhật dụng:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên văn bản** | **Nội dung** | **Nghệ thuật** |
| Ca Huế trên Sông Hương  (Hà Ánh Minh) | Ca Huế là một hình thức sinh hoạt văn hóa – âm nhạc thanh lịch và tao nhã; một sản phẩm tinh thần đáng trân trọng, cần được bảo tồn và phát triển. | - Viết theo thể bút kí  - Sử dụng ngôn ngữ giàu hình ảnh, giàu biểu cảm, thấm đẫm chất thơ.  - Miêu tả âm thanh, cảnh vật, con người sinh động. |

**4. Văn học dân gian:**

**A/ Tục ngữ:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Khái niệm** | **Chủ đề** | **Nội dung** | **Nghệ thuật** |
| Những câu nói dân gian ngắn gọn, ổn định, có nhịp điệu, hình ảnh, thể hiện những kinh nghiệm của nhân dân về mọi mặt (tự nhiên, lao động sản xuất, xã hội), được nhân dân vận dụng vào đời sống, suy nghĩ và lời ăn tiếng nói hằng ngày. | Tục ngữ về thiên nhiên và lao động sản xuất | Truyền đạt những kinh nghiệm quý báu của nhân dân trong việc quan sát các hiện tượng thiên nhiên, lao động sản suất. | Ngắn gọn, hàm xúc, giàu hình ảnh, lập luận chặt chẽ  - Thường gieo vần lưng  - Các vế đối xứng nhau |
| Tục ngữ về con người và xã hội | Tôn vinh giá trị con người, đưa ra nhận xét, lời khuyên về những phẩm chất và lối sống mà con người cần phải có. | -Sử dụng cách diễn đạt ngắn gọn, cô dúc.  -Sử dụng các phép so sánh, ẩn dụ, điệp từ, điệp ngữ, đối,…  - Tạo vần, nhịp cho câu văn dễ nhớ, dễ vận dụng. |

**B/ Phần Tiếng Việt**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Rút gọn câu*** | -Khi nói hoặc viết, có thể lược bỏ một số thành phần của câu, tạo thành ***câu rút gọn***.  - Việc lược bỏ một số thành phần câu thường nhằm những mục đích sau:  + Làm cho câu gọn hơn vừa thông tin được nhanh, vừa tránh lặp những từ ngữ đã xuất hiện trong câu đứng trước.  + Ngụ ý hoạt động đặc điểm nói trong câu là của chung mọi người (lược bỏ CN  ***-***Cách dùng câu rút gọn. Khi rút gọn câu cần chú ý:  + Không làm cho người nghe, người đọc hiểu sai hoặc hiểu không đầy đủ nội dung câu nói.  + Không biến câu nói thành một câu cộc lốc, khiếm nhã. |
| ***Câu đặc biệt*** | ***-Câu đặc biệt*** là loại câu không cấu tạo theo mô hình CN-VN.  ***-Tác dụng***:  + Xác định thời gian, nơi chốn diễn ra sự việc được nói đến trong câu;  + Liệt kê, thông báo về sự tồn tại của sự vật, hiện tượng;  + Bộc lộ cảm xúc;  + Gọi đáp. |
| ***Câu chủ động*** | ***Câu chủ động*** là câu có chủ ngữ chỉ người, vật thực hiện một hoạt động hướng vào người, vật khác (chỉ chủ thể của hoạt động). |
| ***Câu bị động*** | ***Câu bị động*** là câu có chủ ngữ chỉ người, vật được hoạt động của con người, vật khác hướng vào (chỉ đối tượng của hoạt động). |
| ***Thêm trạng ngữ cho câu*** | **- Về ý nghĩa**: Trạng ngữ được thêm vào câu để xác định thời gian, nơi chốn, nguyên nhân, mục đích, phương tiện, cách thức diễn ra sự việc nêu trong câu.  **- Về hình thức:**   + Trạng ngữ có thể đứng ở đầu câu, cuối câu hay giữa câu.   + Giữa TN với CN và VN thường có một quãng nghỉ khi nói hoặc một dấu phẩy khi viết.  - **Công dụng của trạng ngữ:**  + Xác định hoàn cảnh, điều kiện diễn ra sự việc nêu trong câu góp phần làm cho nội dung của câu được đầy đủ, chính xác.  + Nối kết các câu, các đoạn với nhau góp phần làm cho đoạn văn, bài văn mạch lạc.  -**Tách trạng ngữ thành câu riêng:**  Trong một số trường hợp, để nhấn mạnh ý, chuyển ý hoặc những tình huống, cảm xúc nhất định, người ta có thể tách TN, đặc biệt là TN đứng ở cuối câu, thành những câu riêng. |
| ***Dùng cụm chủ vị để mở rộng câu*** | - Khi nói hoặc viết, có thể dùng những cụm từ có hình thức giống câu đơn bình thường, gọi là cụm C-V, làm thành phần của câu hoặc của cụm từ để mở rộng câu.  - Các thành phần câu như chủ ngữ, vị ngữ và các phụ ngữ trong cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ đều có thể được cấu tạo bằng cụm C-V. |
| ***Dấu chấm lửng*** | **Dấu chấm lửng được dùng để:**  - Tỏ ý còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết;  - Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng;  - Làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ hay hài hước, châm biếm. |
| ***Dấu chấm phẩy*** | **Dấu chấm phẩy được dùng để:**  - Đánh dấu ranh giới giữa các vế của một câu ghép có cấu tạo phức tạp;  - Đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận trong một phép liệt kê có cấu tạo phức tạp. |
| ***Dấu gạch ngang*** | **Dấu gạch ngang được dùng để:**  - Đặt ở giữa câu để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu;  - Đặt ở đầu dòng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật hoặc để liệt kê;  - Nối các từ nằm trong một liên danh. |
| ***Phép liệt kê*** | - ***Liệt kê*** là sắp xếp nối tiếp hàng loạt từ hay cụm từ cùng loại để diễn tả được đầy đủ hơn, sâu sắc hơn những khía cạnh khác nhau của thực tế  hay của tư tưởng, tình cảm.  - ***Các kiểu kiệt kê***:       + **Xét theo cấu tạo**, có thể phân biệt kiểu liệt kê theo từng cặp với kiểu liệt kê không theo từng cặp.  **+ Xét theo ý nghĩa**, có thể phân biệt kiểu liệt kê tăng tiến với liệt kê không tăng tiến. |

**III. LUYỆN TẬP:**

**Học sinh làm luyện tập ở phiếu học tập tuần 35.**

**IV. DẶN DÒ:**

- Học sinh ghi phần II vào vở bài học

- Làm phần III luyện tập:

+ Cách 1: Click đường link bên dưới phần phiếu học tập, sau đó điền đầy đủ thông tin cá nhân **(HỌ TÊN- LỚP)** và bắt đầu làm bài. Cuối cùng nhớ ấn nút **GỬI BÀI** nhé!

+ Cách 2: Các bạn có thể làm bài vào vở bài học, đánh dấu số trang và chụp hình gửi vào zalo của Thầy (Cô) giảng dạy nhé.

**CÁC BẠN HÃY VÀO LINK NÀY ĐỂ LÀM BÀI Ở PHIẾU HỌC TẬP NHÉ!**

<https://forms.gle/pE2Y11uBVtu7DRUX7>

**PHIẾU HỌC TẬP TUẦN 35**

**Câu 1:** Em hãy chọn **đáp án đúng nhất** về nội dung văn bản “ Sống chết mặc bay’’ của tác giả Phạm Duy Tốn :

A. Nói lên sự quan tâm, lo lắng,thể hiện niềm thương cảm của tác giả trước cuộc sống lầm than cơ cực của nhân dân do thiên tai.

B. Lên án thái độ vô trách nhiệm của bọn cầm quyền trước tình cảnh, cuộc sống “nghìn sầu muôn thảm” của nhân dân.

C. Câu a,b đều đúng.

D.Câu a,b đều sai.

**Câu 2: Câu đặc biệt là câu:**

A. Không cấu tạo theo mô hình chủ ngữ, vị ngữ.

B. Có đủ chủ ngữ, vị ngữ.

C. Không có chủ ngữ.

D. Không có vị ngữ.

**Câu 3**: Câu rút gọn là câu:

A. Lượt bỏ chủ ngữ và vị ngữ.

B. Không cấu tạo theo mô hình chủ ngữ,vị ngữ.

C. Chỉ có trạng ngữ.

D. Tất cả đều sai.

**SỐ ĐIỆN THOẠI LIÊN LẠC CỦA GIÁO VIÊN BỘ MÔN KHỐI 7:**

1. Cô Đỗ Minh Trí: số điện thoại và zalo:0934041597
2. Cô Cao Thị Anh Thơ: số điện thoại và zalo : 0399282814
3. Thầy Đặng Hoàng Anh Tao: Số điện thoại và zalo: 070781829
4. Cô Vũ Thị Tưởng: Số điện thoại và zalo: 0376900503

5. Cô Lê Ngọc Xuân Khánh: Số điện thoại và zalo: 090 73 75 712

6. Cô Trần Thị Yến Phi: Số điện thoại và zalo: 0395193948

7. Cô Nguyễn Thị Thanh Bình: Số điện thoại và zalo: 0812711008